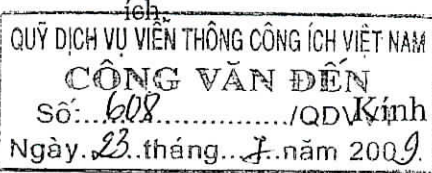


Số: 2206 /BT-TT-KHTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2009

V/v: Tăng cường quản lý thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công



- Các Sở Thông tin và Truyền thông;
- Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;
- Các Doanh nghiệp viễn thông.

Để đảm bảo hiệu quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 74/2006/QĐ-TTg ngày 07/4/2006, Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu các Sở Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các việc sau đây:

1. Các Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước và tình hình thực hiện kế hoạch, hợp đồng về cung ứng dịch vụ viễn thông công ích. Định kỳ hàng tháng, hàng quý các Sở Thông tin và Truyền thông cần tổ chức giao ban chuyên đề với các doanh nghiệp để trao đổi rút kinh nghiệm những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách tại địa phương; kịp thời báo cáo Bộ giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền của địa phương.

b) Quan tâm, tăng cường thực hiện tốt công tác thẩm tra, xác nhận sản lượng dịch vụ viễn thông công ích và chất lượng dịch vụ:

- Rà soát, kiểm tra thực tế để đảm bảo chính xác số liệu về sản lượng dịch vụ viễn thông phổ cập (thuê bao điện thoại cố định và thuê bao sử dụng dịch vụ truy nhập internet) do doanh nghiệp báo cáo. Trong quá trình thẩm tra, xác nhận nếu có trường hợp hộ gia đình có từ hai số thuê bao cùng sử dụng dịch vụ điện thoại cố định hoặc truy nhập internet thì Sở chỉ xác nhận thuê bao được hỗ trợ theo chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho doanh nghiệp có Hợp đồng phát triển thuê bao trước.

- Tăng cường giám sát thời gian phục vụ và chất lượng dịch vụ tại các điểm truy nhập dịch vụ viễn thông công cộng. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo thời gian và chất lượng dịch vụ, Sở tạm dừng việc xác nhận được hưởng chính sách hỗ trợ duy trì điểm truy nhập dịch vụ viễn thông công cộng và có báo cáo kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để có biện pháp xử lý.

2. Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam:

a) Tăng cường quản lý kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao mới:

Khi nghiệm thu thực hiện Hợp đồng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích năm 2008 và các năm tiếp theo theo kế hoạch của Bộ, Quỹ và các doanh nghiệp xác định số liệu thực hiện trừ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối vào cước sử dụng dịch vụ của chủ thuê bao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Quỹ tạm ứng, thanh toán cho doanh nghiệp kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao theo tiến độ trừ vào cước sử dụng dịch vụ thực tế hàng quý.

Kinh phí Nhà nước hỗ trợ thiết bị đầu cuối đã tạm ứng cho doanh nghiệp trong năm, nếu chưa trừ hết vào cước sử dụng dịch vụ cho các chủ thuê bao thì chuyển sang năm sau để theo dõi trừ tiếp. Trường hợp có thuê bao rời mạng mà chưa được trừ hết kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối vào cước sử dụng dịch vụ thì chủ thuê bao không được hỗ trợ số kinh phí còn lại và Quỹ không quyết toán số kinh phí hỗ trợ còn lại cho những trường hợp này.

Quỹ chủ trì, làm việc với các doanh nghiệp viễn thông xác định số liệu đã trừ kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối vào cước sử dụng dịch vụ từ khi bắt đầu thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 17/2007/QĐ-BBCVT của Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) tính đến hết tháng 6 năm 2009 và báo cáo kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông trong quý 3 năm 2009.

b) Chủ động, tăng cường phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước tại các doanh nghiệp liên quan đến hoạt động tại trụ của Quỹ; kịp thời kiến nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông việc điều chỉnh cơ chế, chính sách về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để đảm bảo hiệu quả của chính sách.

3. Các doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích:

a) Thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng cung ứng dịch vụ viễn thông công ích, mỗi hộ gia đình chỉ phát triển một thuê bao hưởng chính sách về viễn thông công ích. Những hộ gia đình đã có thuê bao hưởng chính sách viễn thông công ích nhưng vẫn còn có nhu cầu lắp đặt từ thuê bao thứ hai trở đi thì chủ thuê bao tự chi trả chi phí lắp đặt, duy trì và sử dụng dịch vụ theo quy định; doanh nghiệp không được báo cáo đề nghị Nhà nước hỗ trợ tài chính.

b) Trong quá trình phát triển dịch vụ và khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập, các doanh nghiệp không dùng các hình thức khuyến mại để giành thuê bao đã được Nhà nước hỗ trợ theo chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

c) Thực hiện việc trừ vào cước sử dụng dịch vụ hàng tháng đối với kinh phí Nhà nước hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho người dân theo quy định của Nhà nước và định kỳ hàng quý báo cáo kết quả với Sở Thông tin và Truyền thông địa phương để thẩm tra, xác nhận; định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu quý tiếp theo) tổng hợp số liệu báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo mẫu kèm theo Công văn này.

d) Thống nhất thể hiện chính sách của Nhà nước liên quan hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ viễn thông công ích trên bảng thông báo (hoặc bảng kê) thu cước dịch vụ viễn thông từ 1/7/2009 như sau:

- Đối với kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho chủ thuê bao phát triển mới, trừ vào cước sử dụng dịch vụ, thông báo thành dòng riêng như sau:

“Số tiền nhà nước hỗ trợ thiết bị đầu cuối (trừ vào cước sử dụng dịch vụ) kỳ này làđồng”.

- Đối với kinh phí hỗ trợ cước duy trì thuê bao hàng tháng theo định mức của Nhà nước, thông báo thành dòng riêng như sau:

“Nhà nước hỗ trợ cước duy trì thuê bao là đồng”.

- Đối với dịch vụ viễn thông công ích không chịu thuế giá trị gia tăng, thông báo thành dòng riêng như sau:

“Cước dịch vụ viễn thông công ích không chịu thuế giá trị gia tăng theo chính sách của Nhà nước là đồng”.

Trên đây là một số nội dung tăng cường công tác quản lý thực hiện chính sách cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Đề nghị các Sở Thông tin và Truyền thông, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và các doanh nghiệp viễn thông lưu ý thực hiện. /*ml*

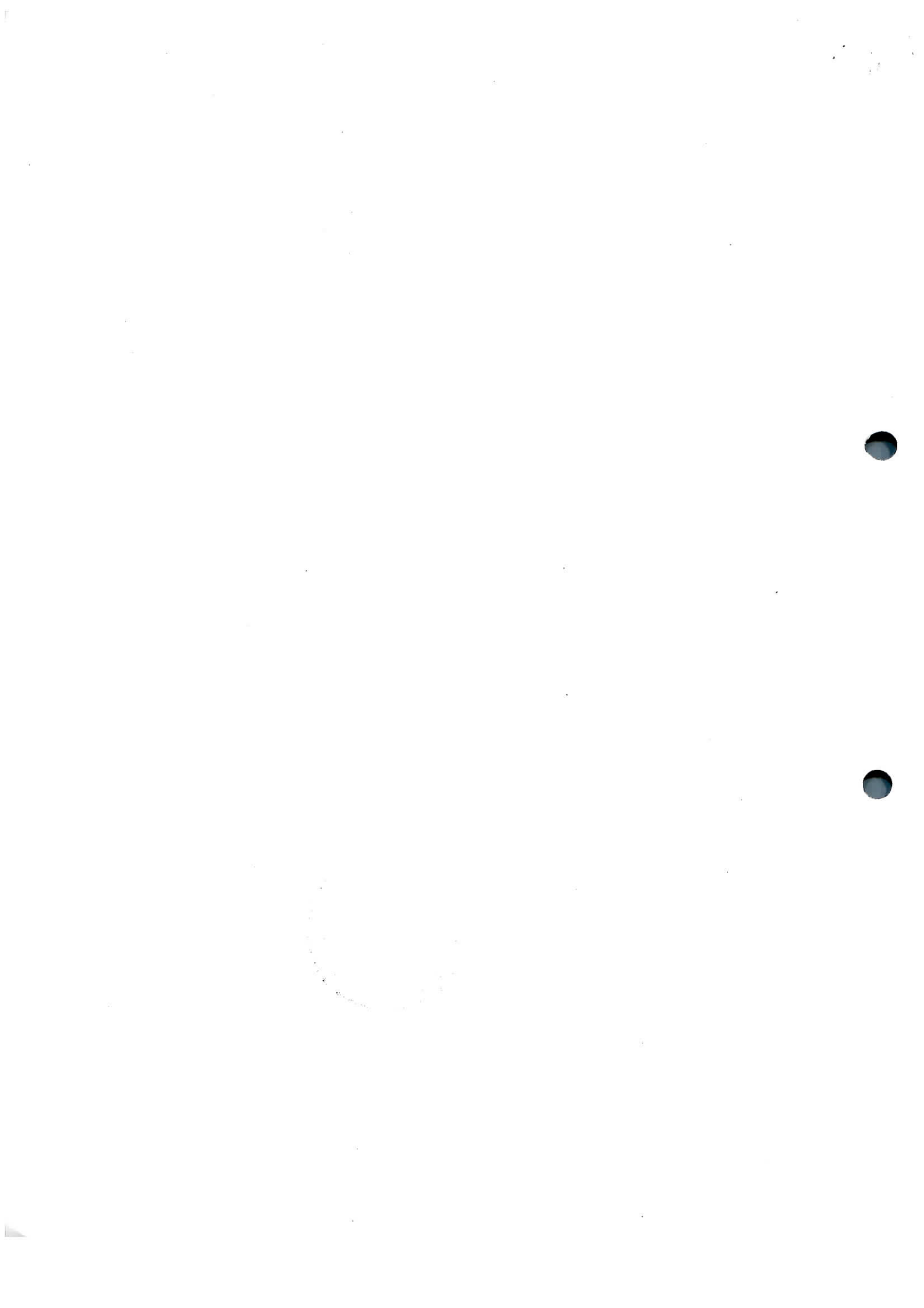
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Đức Lai



Đơn vị báo cáo...

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRỪ VÀO CƯỚC SỬ DỤNG DỊCH VỤ KINH PHÍ HỖ TRỢ
THIỆT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ HỖ TRỢ CƯỚC DUY TRÌ THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH
CHO CHỦ THUÊ BAO TẠI VÙNG ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH**

Quý.... Năm....

(Kèm theo Công văn số 2206/BTTTT-KHHC ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số đơn vị hành chính	Tên xã, huyện (chỉ tiết đến xã)	Tổng số thuê bao phát triển mới (thuê bao)	Tổng kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối phát sinh từ đầu Chương trình VTCI đến hết quý này		Số kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối còn dự quý trước chuyển sang	Số kinh phí đã trừ vào cước sử dụng dịch vụ quý này	Số kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối còn lại chưa trừ vào cước sử dụng dịch vụ đến hết quý này	Kinh phí hỗ trợ duy trì thuê bao tháng phát sinh quý này	
			Tổng số	Trong đó quý này					
1	2	3	4	5	6	7	8	9=6+7-8	10
	Tổng cộng	x				x	x	x	x

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

... ngày...tháng...năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Nơi nhận báo cáo: Bộ TTTT, Sở TTTT, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích VN



Đơn vị báo cáo...

**BÁO CÁO DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC TRỪ VÀO CƯỚC SỬ DỤNG DỊCH VỤ
KINH PHÍ HỒ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ HỒ TRỢ CƯỚC DUY TRÌ
THUÊ BAO ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH TẠI VÙNG ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
Quý.... Năm....**

(Kèm theo Công văn số 2206/BTTTT-KHTC ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mã số đơn vị hành chính	Tên xã, huyện (chi tiết đến xã)	Khu vực	Họ và tên chủ thuê bao	Địa chỉ	Tháng phát sinh thuê bao mới	Kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối còn dư đầu quý	Kinh phí hỗ trợ đầu cuối phát sinh quý này	Số kinh phí đã trừ vào cước sử dụng dịch vụ quý này	Số kinh phí hỗ trợ thiết bị đầu cuối còn lại chưa trừ vào cước sử dụng dịch vụ đến hết quý này	Kinh phí duy trì thuê bao tháng Nhà nước hỗ trợ quý này	Đơn vị tính: Triệu đồng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7+8-9	11		
Tổng cộng							x	x	x	x		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

... ngày...tháng...năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Nơi nhận báo cáo: Sở TTTT nhận và lưu báo cáo này.

